Suffix Structures

Blue 11 - Lecture 01: Dynamic Array & String



Tóm tắt đề bài

Tóm tắt đề bài

- Cho 2 chuỗi phân biệt s và t.
- Hãy chuyển chuỗi s thành chuỗi t thông qua các phép biến đổi:
 - 1. Automaton: Xóa 1 ký tự bất kỳ trong chuỗi s
 - 2. Array: Hoán đổi vị trí của hai ký tự bất kỳ trong chuỗi s
- Xác định:
 - s transform
 - Nếu chuyển được thì sử dụng phép biến đổi nào ?
 - Biết rằng số lần biến đổi là không giới hạn

Mô tả Input/Output

<u>Input</u>

- |s| > 0
- |t| > 0
- s <> t
- s và t chỉ gồm chữ cái latin in thường

<u>Output</u>

- "need tree" n\u00e9u không th\u00e9 bi\u00e9n s th\u00e4nh t
- "automaton" chuyển s thành t được thông qua phép biến đổi số 1
- "array" chuyển s thành t được thông qua phép biến đổi số 2
- "both" nếu cần thực hiện cả 2 phép biển đổi



Giải thích ví dụ

```
Input

s = 'automaton'
t = 'tomat'

Output

automaton
```

Giải thích:

```
s = '<del>au</del>tomat<del>on</del>'
t = 'tomat'
```

```
Input
s = 'array'
t = 'arary'
Output
array
```

Giải thích:

```
s = 'array' → swap r với a ta được s = 'arary'
t = 'arary'
```

```
Input
s = 'both'
t = 'hot'

Output
both
```

Giải thích:

 $s = 'both' \rightarrow xo´{a}b ta duy´{c}s = 'oth' \rightarrow swap (o,h) thì s = 'hto'$ $\rightarrow swap (t, o) và s = 'hot' = t$

```
Input
s = 'need'
t = 'tree'

Output
need tree
```

Giải thích: để biến s thành t thì trong s phải có ít nhất 1 chữ r và 1 chữ t → không có cách nào biến đổi s thành t được.



Hướng dẫn giải

Nhận xét

- TH1: Nếu 1 kí tự nào đó có trong t mà không có trong s → 'need tree'
- TH2: Nếu 1 kí tự có trong s mà không có trong t thì xóa kí tự đó đi → 'automaton'
- TH3: Nếu thứ tự xuất hiện của các ký tự trong t không khớp với s → 'array'
- TH4: Kết hợp TH2 + TH3 → 'both'

Để giải quyết trường hợp TH1 ('need tree') và TH2('automaton'):

- Tạo mảng đếm tần suất của các kí tự trong chuỗi s và t: cnt_s và cnt_t
- Đối với từng kí tự x trong bảng chữ cái latin (26 chữ cái):
 - Néu cnt_t[x] > cnt_s[x] → 'need tree'
 - Ngược lại: cnt_t[x] < cnt_s[x] → 'automaton'</p>

Input

s = 'automaton'

t = 'tomat'

Output

automaton

Minh họa mảng cnt_s và cnt_t cho trường hợp 1 và 2:

	a	b	С	d	е	f	g	h	i	j	k	I	m	n	0	р	q	r	S	t	u	V	W	X	y	Z
index	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
cnt_s	2												1	1	2					2	1					

	а	b	С	d	е	f	g	h	i	j	k	I	m	n	0	р	q	r	S	t	u	V	w	X	у	z
index	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
cnt_t	1												1		1					2						

- Để giải quyết trường hợp TH3 'array':
 - o Gọi match là vị trí xuất hiện của ký tự trước đó của t trong s
 - Duyệt qua từng ký tự t[i] trong chuỗi t
 - o Tìm vị trí xuất hiện đầu tiên của t[i] trong s mà xuất hiện sau match
 - Nếu các vị trí này tăng dần nghĩa là các ký tự này đã đúng vị trí, ta không cần đổi chỗ. Ngược lại ta kết luận "array".
- Trường hợp TH4 'both': nếu cần cả 'automaton' và 'array'

Độ phức tạp: O(max(length(s), length(t))

Input

s = 'array'

t = 'arary'

Output

array

Minh họa trường hợp 3 (cần array)

Id	t[i]	S	Id t in s (find first occurrence of t[i] in s from match+1)	match	array
		array		-1	False
0	а	a rray	0	0	False
1	r	array	1	1	False
2	а	array	2	2	False
3	r				True
4	у				

Input

s = 'automaton'

t = 'tomat'

Output

automaton

Minh họa trường hợp 3 (không cần array)

Id	t[i]	S	Id t in s (find first occurrence of t[i] in s from match+1)	match	array
		automaton		-1	False
0	t	automaton	2	2	False
1	0	automaton	3	3	False
2	m	automaton	4	4	False
3	а	automaton	5	5	False
4	t	automaton	6	6	False



Mã giả

Mã giả

```
read s, t
cnt_s, cnt_t = [0]*26
for i = 0 → len(s)-1
  cnt_s[s[i]-'a'] += 1
for i = 0 → len(t)-1
  cnt_t[t[i]-'a'] += 1

need_tree = array = automaton = False
```

Mã giả

```
#case3
match = -1
for i = 0 \rightarrow len(t)-1:
 idx = first t[i] in s[match+1, len(s)-1]
 if found idx:
  match = idx
 else:
   array = True
  break
```

```
#print result
if need tree:
 print('need tree')
else if automaton and array:
 print('both')
else if automaton:
 print('automaton')
else:
 print('array')
```

Thank you